

第5课:她女儿今年二十岁

Dì 5 kè: Tā jīnnián nǚ'ér èrshí suì

Con gái cô ấy năm nay 20 tuổi



I. Ngữ âm
语音 Yǔyīn (P.46)

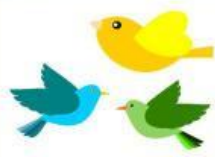
05-4



Luyện đọc các âm cuốn lưỡi sau



小孩儿
Xiǎo hái'r
1



小鸟儿
xiǎo niǎor
2



饭馆儿
fànguǎnr
3



香水儿
xiāngshuǐr
4

er và vần cuốn lưỡi**er**

értóng 儿童

érzi 儿子

ěrjī 耳机

ěrduo 耳朵

èr bǎi 二百

**Cuốn
lưỡi**

Qù nǎr 去哪儿

qù nàr 去那儿

huà huàr 画画儿

yí xiàr 一下儿

hǎo wánr 好玩儿



I. Ngữ âm
语音 Yǔyīn

Dấu cách âm



Khi âm tiết bắt đầu bằng: a, o, e theo sau âm tiết khác, phải dùng dấu cách âm (') để tách các âm nhằm tránh lẫn lộn về ranh giới các âm tiết

piāo

Nổi

pí'ǎo

Áo khoác da

xiān

Trước

Xī'ān

Tp Tây An

jiē

Nhận

jī'è

đôi

jiāng

Sẽ

jī'áng

Sôi sục, hào hứng

fānàn

Mở cuộc tiến công

fān'àn

Lật lại bản án

fǎngǎn

Phản cảm

fāng'àn

Phương án



jiā

家

1

yǒu

有

2

kǒu

口

3

nǚ ér

女儿

4

jǐ

几

5

suì

岁

6



le
了

7

duō
多

8

jīn nián
今年

9

dà
大

10



课文 1: 在学校

Kèwén 1: Zài xuéxiào

05-1



Nghe và nhắc lại
nội dung nghe được

nǐ jiā yǒu jǐ kǒu rén
你家有几口人?
Nhà bạn có mấy người?



wǒ jiā yǒu sān kǒu rén
我家有三口人。
Nhà tôi có 3 người.



课文 1: 在学校

Kèwén 1: Zài xuéxiào

05-1



Nghe và nhắc lại
nội dung nghe được

Tiếng Trung Tâm Hà HSK 037.996.4805



你家人有几口人?

我家有三口人。



 **LIVEWORKSHEETS**

课文 1: 在学校

Kèwén 1: Zài xuéxiào

05-1



Nghe và nhắc lại
nội dung nghe được

Tiếng Trung Tâm Hà HSK 037.996.4805



Nhà bạn có mấy người?

Nhà tôi có 3 người.



 **LIVEWORKSHEETS**

课文 2: 在办公室

Kèwén 2: Zài bàngōngshì

05-2



Nghe và nhắc lại
nội dung nghe được

Tiếng Trung Tâm Hà HSK 037.996.4805



Nǐ nǚ'ér jǐ suì le
你 女儿几岁了?
Con gái bạn mấy tuổi rồi?

Tā jīnnián sì suì le
她今年四岁了。
Năm nay cháu 4 tuổi rồi.



 **LIVEWORKSHEETS**

课文 2: 在办公室

Kèwén 2: Zài bàngōngshì

05-2



Nghe và nhắc lại
nội dung nghe được

Tiếng Trung Tâm Hà HSK 037.996.4805



你 女儿几岁了?

她今年四岁了。



 **LIVEWORKSHEETS**

课文 2: 在办公室

Kèwén 2: Zài bàngōngshì

05-2



Nghe và nhắc lại
nội dung nghe được

Tiếng Trung Tâm Hà HSK 037.996.4805



Con gái bạn mấy tuổi rồi?

Năm nay cháu 4 tuổi rồi.



 **LIVEWORKSHEETS**

课文 3: 在办公室

Kèwén 3: Zài bàngōngshì

05-3



Nghe và nhắc lại
nội dung nghe được

Tiếng Trung Tâm Hà HSK 037.996.4805



LIVEWORKSHEETS

课文 3: 在办公室

Kèwén 3: Zài bàngōngshì

05-3



Nghe và nhắc lại
nội dung nghe được

Tiếng Trung Tâm Hà HSK 037.996.4805



LIVEWORKSHEETS

课文 3: 在办公室

Nghe và nhắc lại
nội dung nghe được

Tiếng Trung Tâm Hà HSK 037.996.4805

Kèwén 3: Zài bàngōngsǎn

05-3



LIVEWORKSHEETS